

Số: 175/2024/QĐST-HNGĐ

Chiêm Hoá, ngày 12 tháng 7 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 168/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024, giữa:

* Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn H, xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

* Bị đơn: Anh Trần Văn T1, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn H, xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị T2 và anh Trần Văn T1 (Giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 23/4/2012 tại UBND xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Bùi Thị T2 là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Phương T3, sinh ngày 12/9/2012. Anh Trần Văn T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 5.000.000đ (Năm triệu

đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 7/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung: Chị Bùi Thị T2 và anh Trần Văn T1 đều xác định tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị Bùi Thị T2 và anh Trần Văn T1 đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự: Chị Bùi Thị T2 tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000001420385 ngày 02/7/2024 của Công ty cổ phần T4 và Biên lai số 0000543 ngày 03/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa. Hoàn trả lại cho chị T2 số tiền chênh lệch là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Anh Trần Văn T1 phải nộp tiền án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Chiêm Hóa (02 bản);
- CCTHADS huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã Yên Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Hoàng Mạnh Tuấn